

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số /QĐ-CDYTBM

Hà Nội, ngày tháng năm 202

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng học kỳ I năm học 2025-2026
cho sinh viên cao đẳng chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

Căn cứ Quyết định số 3168/QĐ-BGD&ĐT ngày 20/8/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét cấp học bổng học kỳ I năm học 2025 - 2026 ngày 06/07/2026;

Theo đề nghị của Thành viên Hội đồng xét cấp học bổng sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng học kỳ I năm học 2025 - 2026 cho 191 sinh viên cao đẳng chính quy. (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Mức học bổng của các sinh viên có tên trên được hưởng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các Ông/Bà Phó trưởng Phòng Quản lý Đào tạo và Nghiên cứu Khoa học, Văn phòng trường, Lãnh đạo các đơn vị có liên quan, Chủ nhiệm khối, Ban cán sự các lớp và các sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VPT, QLĐT&NCKH.

HIỆU TRƯỞNG

Đào Xuân Cơ

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CẤP HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDYTBM ngày / /202
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai)

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
1.	014307009893	ĐD.CLC 2.1	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	8,0	Tốt	Giỏi	2.500.000	
2.	001307053666	PHCN K12.01	KIỀU TÚ	UYÊN	8,0	Tốt	Giỏi	2.500.000	
3.	24Q301121926	ĐD.CLC.01	HOÀNG NHƯ	QUỲNH	8,2	Xuất sắc	Giỏi	2.500.000	
4.	24Q301120132	ĐD 12.01	PHẠM THỊ THANH	THẢO	8,2	Tốt	Giỏi	2.500.000	
5.	24Q301120910	ĐD 12.09	PHẠM ĐỨC	DUY	8,2	Tốt	Giỏi	2.500.000	
6.	24Q301120930	ĐD 12.09	BÙI THỊ BÍCH	NGỌC	8,0	Tốt	Giỏi	2.500.000	
7.	24Q201010214	ĐD 12.18	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	8,1	Xuất sắc	Giỏi	2.500.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
8.	24Q301122429	ĐD 12.24	NGUYỄN MINH	THƯ	8,2	Tốt	Giỏi	2.500.000	
9.	23Q301110338	ĐD 11.03	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	8,1	Xuất sắc	Giỏi	2.500.000	
10.	23Q604100130	PHCN K10.01	ĐỖ HẢI	YẾN	8,2	Xuất sắc	Giỏi	2.500.000	
11.	23Q604100211	PHCN K10.02	NGUYỄN QUANG	HIỆP	8,1	Xuất sắc	Giỏi	2.500.000	
12.	008307005901	ĐD 13.01	TRẦN KHÁNH	LY	7	Tốt	Khá	2.400.000	
13.	001304045923	ĐD 13.02	VŨ THỊ THÙY	TRANG	7,8	Tốt	Khá	2.400.000	
14.	038307025810	ĐD 13.02	ĐỖ THỊ MINH	ANH	7,4	Tốt	Khá	2.400.000	
15.	001303043675	ĐD 13.02	PHAN THỊ	THỊNH	7,2	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
16.	034303005403	ĐD 13.02	VŨ THỊ	NHUNG	7,1	Tốt	Khá	2.400.000	
17.	025207002061	ĐD 13.03	TRẦN VIỆT	HÙNG	7	Tốt	Khá	2.400.000	
18.	030307013644	ĐD 13.03	UÔNG THỊ THANH	HUYỀN	7	Xuất sắc	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
19.	030307002520	ĐD 13.03	PHẠM HÀ	MY	7	Tốt	Khá	2.400.000	
20.	040205027310	ĐD 13.05	NGUYỄN VĂN	THÔNG	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
21.	001307059340	ĐD 13.05	TRẦN QUẾ	ANH	7	Tốt	Khá	2.400.000	
22.	006306002591	ĐD 13.06	LƯƠNG THỊ	THOM	7,8	Tốt	Khá	2.400.000	
23.	001301018502	ĐD 13.06	NGUYỄN BẢO	GIANG	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
24.	025307005441	ĐD 13.06	ĐỖ KIM	ANH	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
25.	001307023002	ĐD 13.07	PHẠM THU	HUYỀN	7,2	Tốt	Khá	2.400.000	
26.	015307000516	ĐD 13.07	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	7,1	Tốt	Khá	2.400.000	
27.	015207003422	ĐD 13.11	HOÀNG XUÂN	TRƯỜNG	7	Tốt	Khá	2.400.000	
28.	001307001607	ĐD 13.12	NGUYỄN HOÀI	ANH	7	Tốt	Khá	2.400.000	
29.	001307015615	ĐD 13.14	NGUYỄN THỊ HỒNG	GIANG	7,1	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
30.	036307013709	ĐD 13.17	LƯƠNG MỸ	DUYÊN	7,2	Khá	Khá	2.400.000	
31.	031307002164	ĐD 13.19	PHẠM THỊ	DUYÊN	7,1	Tốt	Khá	2.400.000	
32.	038207037199	ĐD 13.19	NGÔ XUÂN	QUANG	7,1	Tốt	Khá	2.400.000	
33.	033307011553	ĐD 13.20	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	7	Tốt	Khá	2.400.000	
34.	035307002157	ĐD 13.21	VŨ THỊ NGỌC	DUYÊN	7	Tốt	Khá	2.400.000	
35.	040306021250	ĐD 13.22	HOÀNG THỊ	VÂN	7,2	Tốt	Khá	2.400.000	
36.	014307013804	ĐD 13.23	NGUYỄN THỊ HÀ	ANH	7,1	Tốt	Khá	2.400.000	
37.	022303001657	ĐD CLC 2.1	PHẠM PHƯƠNG	QUỲNH	7,7	Khá	Khá	2.400.000	
38.	001207027141	ĐD CLC 2.1	VŨ NGỌC	ĐỨC	7,2	Tốt	Khá	2.400.000	
39.	033307005231	ĐD CLC 2.2	ĐÀO MINH	THU'	7,7	Khá	Khá	2.400.000	
40.	040307008715	ĐD CLC 2.2	MARIA NGUYỄN LAN	ANH	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
41.	001307026678	ĐD CLC 2.2	PHẠM THANH	TÚ	7	Khá	Khá	2.400.000	
42.	034307001246	KTHA K12.01	NGUYỄN THỊ AN	KHANG	8,2	Khá	Khá	2.400.000	
43.	001207023555	KTHA K12.01	BÙI NHẬT	HUY	7,6	Khá	Khá	2.400.000	
44.	001207050824	KTHA K12.01	LÊ XUÂN	TRƯỜNG	7,6	Khá	Khá	2.400.000	
45.	001207021109	KTHA K12.02	TẠ HOÀNG	HẢI	7,7	Khá	Khá	2.400.000	
46.	036307006939	KTHA K12.02	NGÔ NGỌC	CHÂU	7,7	Khá	Khá	2.400.000	
47.	038305025873	KTHA K12.02	NGUYỄN THỊ	HUỆ	7,6	Tốt	Khá	2.400.000	
48.	033307006430	XN 12.01	LƯU HƯƠNG	GIANG	7,9	Tốt	Khá	2.400.000	
49.	022307003817	XN 12.01	TRẦN KHÁNH	CHI	7,9	Tốt	Khá	2.400.000	
50.	001307004024	XN 12.01	VƯƠNG HIỀN	LƯƠNG	7,8	Khá	Khá	2.400.000	
51.	001307031792	XN 12.01	ĐÌNH THỊ TUYẾT	TUYẾT	7,7	Khá	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
52.	001307013825	XN 12.01	PHẠM BẢO	VY	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
53.	001307048597	XN 12.02	LÊ KIỀU	TRANG	7,9	Tốt	Khá	2.400.000	
54.	001307033032	XN 12.02	NGUYỄN THANH	HUYỀN	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
55.	001307052865	XN 12.02	NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
56.	008307002045	PHCN K12.01	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	8,1	Khá	Khá	2.400.000	
57.	001307032844	PHCN K12.01	VĂN ĐỖ PHƯƠNG	ANH	7,7	Khá	Khá	2.400.000	
58.	001207054444	PHCN K12.02	TRỊNH NAM	ANH	8,1	Khá	Khá	2.400.000	
59.	001307041126	PHCN K12.02	HOÀNG THANH	NGÂN	7,8	Tốt	Khá	2.400.000	
60.	033307002002	PHCN K12.02	ĐỖ DIỆU	LINH	7,8	Khá	Khá	2.400.000	
61.	001207061614	PHCN K12.02	CAO THIÊN	PHÚC	7,7	Khá	Khá	2.400.000	
62.	036306007701	PHCN K12.02	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	7,6	Khá	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
63.	038307018706	Dược K2.03	LÊ KHÁNH	HẬU	7,1	Khá	Khá	2.400.000	
64.	24Q301120220	ĐD 12.02	CAO NGUYỄN THIÊN	HƯỜNG	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
65.	24Q301120235	ĐD 12.02	CHU THỊ	THẢO	7,6	Tốt	Khá	2.400.000	
66.	24Q301120219	ĐD 12.02	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
67.	24Q301120330	ĐD 12.03	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	7,6	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
68.	24Q301120422	ĐD 12.04	KIỀU NGỌC	LY	7,5	Khá	Khá	2.400.000	
69.	24Q301120435	ĐD 12.04	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
70.	24Q301120411	ĐD 12.04	NGUYỄN THỊ HỒNG	GẮM	7,4	Tốt	Khá	2.400.000	
71.	24Q301120430	ĐD 12.04	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚ	7,4	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
72.	24Q301120438	ĐD 12.04	BÙI THỊ	THU	7,4	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
73.	24Q301120419	ĐD 12.04	NGUYỄN HOÀNG DIỆU	LINH	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
74.	24Q301120420	ĐD 12.04	NGUYỄN NGỌC	LINH	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
75.	24Q301120437	ĐD 12.04	TRỊNH THỊ	THẢO	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
76.	24Q301120440	ĐD 12.04	NGUYỄN ÁNH	TUYẾT	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
77.	24Q301120407	ĐD 12.04	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	7,3	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
78.	24Q301120504	ĐD 12.05	TỔNG NGỌC QUỲNH	ANH	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
79.	24Q301120505	ĐD 12.05	VŨ THỊ QUỲNH	ANH	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
80.	24Q301120516	ĐD 12.05	TRỊNH THỊ KHÁNH	HOÀ	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
81.	24Q301120627	ĐD 12.06	NGUYỄN ĐỨC	PHÚC	7,6	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
82.	24Q301120613	ĐD 12.06	NGUYỄN THỊ MAI	LAN	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
83.	24Q301120629	ĐD 12.06	LÊ THỊ MINH	PHƯƠNG	7,4	Tốt	Khá	2.400.000	
84.	24Q301120610	ĐD 12.06	VƯƠNG HỒNG	HẠNH	7,3	Xuất sắc	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
85.	24Q301120609	ĐD 12.06	NGHIÊM THỊ	CHI	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
86.	24Q301120704	ĐD 12.07	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
87.	24Q301120733	ĐD 12.07	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
88.	24Q301120717	ĐD 12.07	NGUYỄN TUẤN	HẢI	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
89.	24Q301120815	ĐD 12.08	LÊU PHƯƠNG	HÀ	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
90.	24Q301120802	ĐD 12.08	NGÔ QUỲNH	ANH	7,6	Khá	Khá	2.400.000	
91.	24Q301120809	ĐD 12.08	ĐỖ KIM	DIỄM	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
92.	24Q301120819	ĐD 12.08	MAI THU	HƯƠNG	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
93.	24Q301120826	ĐD 12.08	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
94.	24Q301120919	ĐD 12.09	ĐOÀN DIỆU	LINH	7,9	Tốt	Khá	2.400.000	
95.	24Q301120939	ĐD 12.09	NGUYỄN THANH	VÂN	7,8	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
96.	24Q301120916	ĐD 12.09	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	7,4	Tốt	Khá	2.400.000	
97.	24Q301121006	ĐD 12.10	TRẦN XUÂN	BÁCH	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
98.	24Q301121017	ĐD 12.10	LÊ THANH	HUYỀN	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
99.	24Q301121013	ĐD 12.10	HOÀNG THU	HẰNG	7,6	Khá	Khá	2.400.000	
100.	24Q301121002	ĐD 12.10	NGUYỄN HẢI	ANH	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
101.	24Q301121031	ĐD 12.10	TRƯƠNG ĐỨC	QUÂN	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
102.	24Q301121033	ĐD 12.10	TRẦN NHƯ	QUỲNH	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
103.	24Q301121019	ĐD 12.10	HẠ PHƯƠNG	LINH	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
104.	24Q301121040	ĐD 12.10	TẠ KHÁNH	VÂN	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
105.	24Q301121333	ĐD 12.13	LÊ DIỆU	THỦY	7,8	Khá	Khá	2.400.000	
106.	24Q301121317	ĐD 12.13	TRẦN KHÁNH	LINH	7,6	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
107.	24Q301121330	ĐD 12.13	LÊ DIỆU	THU	7,6	Khá	Khá	2.400.000	
108.	24Q301121311	ĐD 12.13	LƯƠNG VŨ KHÁNH	LINH	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
109.	24Q301121342	ĐD 12.13	NGUYỄN HOÀI	YÊN	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
110.	24Q301121339	ĐD 12.13	TỔNG THANH	VÂN	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
111.	24Q301121405	ĐD 12.14	PHÙNG VÂN	ANH	7,8	Tốt	Khá	2.400.000	
112.	24Q301121407	ĐD 12.14	VŨ QUỲNH	CHI	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
113.	24Q301121432	ĐD 12.14	ĐỖ ANH	THƯ	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
114.	24Q301121518	ĐD 12.15	BÙI THU	HUYỀN	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
115.	24Q301121613	ĐD 12.16	NGUYỄN THỊ LAN	HƯƠNG	7,8	Tốt	Khá	2.400.000	
116.	24Q301121619	ĐD 12.16	TRẦN DIỆU	LINH	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
117.	24Q301121822	ĐD 12.18	NGUYỄN THANH	HỢP	7,7	Xuất sắc	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
118.	24Q301121818	ĐD 12.18	ĐỒ THỊ HƯƠNG	GIANG	7,6	Tốt	Khá	2.400.000	
119.	24Q301121837	ĐD 12.18	NGUYỄN CHÂU	QUỲNH	7,6	Tốt	Khá	2.400.000	
120.	24Q301121932	ĐD 12.19	VŨ ANH	THU	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
121.	24Q301121910	ĐD 12.19	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	LINH	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
122.	24Q301122037	ĐD 12.20	NGUYỄN THỊ NGÂN	TRANG	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
123.	24Q301122021	ĐD 12.20	HÀ NGỌC	MAI	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
124.	24Q301122041	ĐD 12.20	PHẠM LÊ THẢO	UYÊN	7,5	Khá	Khá	2.400.000	
125.	24Q301122022	ĐD 12.20	TRẦN NGỌC	MAI	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
126.	24Q301122038	ĐD 12.20	TRƯƠNG THỊ MAI	TRANG	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
127.	24Q301122116	ĐD 12.21	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HOA	7,9	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
128.	24Q301122118	ĐD 12.21	NGUYỄN MAI	HƯƠNG	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
129.	24Q301122135	ĐD 12.21	NGUYỄN VĂN	THẮNG	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
130.	24Q301122103	ĐD 12.21	NGUYỄN ĐỖ CHÂU	ANH	7,3	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
131.	24Q301122215	ĐD 12.22	PHẠM MAI	LIÊN	7,6	Tốt	Khá	2.400.000	
132.	24Q301122237	ĐD 12.22	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	7,6	Tốt	Khá	2.400.000	
133.	24Q604110219	ĐD 12.22	VŨ MỸ	LỆ	7,6	Tốt	Khá	2.400.000	
134.	24Q301122229	ĐD 12.22	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THẢO	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
135.	24Q301122202	ĐD 12.22	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
136.	24Q301122223	ĐD 12.22	PHẠM THU	PHƯƠNG	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
137.	24Q301122231	ĐD 12.22	NGUYỄN THU	THẢO	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
138.	24Q301122319	ĐD 12.23	ĐỖ THỊ	HUYỀN	7,8	Khá	Khá	2.400.000	
139.	24Q301122324	ĐD 12.23	NGUYỄN KHÁNH	LY	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
140.	24Q301122411	ĐD 12.24	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	7,6	Khá	Khá	2.400.000	
141.	24Q301120232	ĐD.CLC.01	ĐỖ THỊ	PHƯƠNG	7,6	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
142.	24Q301121814	ĐD.CLC.01	LÊ THÙY	DUNG	7,6	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
143.	24Q301120108	ĐD.CLC.01	ĐỖ HƯƠNG	GIANG	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
144.	24Q301120318	ĐD.CLC.01	PHẠM NGỌC	LÂM	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
145.	24Q301121839	ĐD.CLC.01	CHU TIẾN	THÀNH	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
146.	24Q602110114	XN 11.01	LƯƠNG PHƯƠNG	MAI	7,1	Tốt	Khá	2.400.000	
147.	24Q602110224	XN 11.02	NGUYỄN THANH	THU'	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
148.	24Q602110210	XN 11.02	LÊ HÀ	LINH	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	
149.	24Q601110111	KTHA K11.01	NGUYỄN HUY	HOÀNG	7,1	Khá	Khá	2.400.000	
150.	24Q604110135	PHCN K11.01	ĐỖ HÀ PHƯƠNG	THẢO	7,1	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
151.	24Q604110118	PHCN K11.01	TRẦN KHÁNH	HUYỀN	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	
152.	24Q604110231	PHCN K11.02	PHÙNG NHÂN	THẮNG	7,7	Tốt	Khá	2.400.000	
153.	24Q604110235	PHCN K11.02	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	7,4	Tốt	Khá	2.400.000	
154.	24Q604110328	PHCN K11.03	NGUYỄN HỮU	QUYẾT	7,2	Khá	Khá	2.400.000	
155.	24Q604110330	PHCN K11.03	LƯƠNG NGỌC	THANH	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	
156.	24Q201010119	Dược K1.01	DƯƠNG HÀ	NGÂN	7,4	Tốt	Khá	2.400.000	
157.	24Q201010217	Dược K1.01	NGÔ HƯƠNG	LY	7,2	Tốt	Khá	2.400.000	
158.	24Q201010218	Dược K1.01	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	7,2	Tốt	Khá	2.400.000	
159.	24Q201010308	Dược K1.02	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	7,9	Khá	Khá	2.400.000	
160.	24Q201010304	Dược K1.02	LÊ THỊ LAN	ANH	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
161.	24Q201010329	Dược K1.02	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	7,5	Khá	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
162.	24Q201010230	Được K1.02	AN THỊ	THÚY	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
163.	24Q201010305	Được K1.02	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG	ANH	7,4	Khá	Khá	2.400.000	
164.	24Q201010309	Được K1.02	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
165.	24Q201010312	Được K1.02	KIỀU NGỌC	HẢI	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
166.	24Q201010412	Được K1.03	CAO THỊ	DIỄM	7,9	Tốt	Khá	2.400.000	
167.	24Q201010435	Được K1.03	NGUYỄN THU	YẾN	7,8	Tốt	Khá	2.400.000	
168.	24Q201010428	Được K1.03	ĐẠI THỊ	THU	7,2	Tốt	Khá	2.400.000	
169.	24Q201010434	Được K1.03	NGUYỄN HẢI	YẾN	7,2	Tốt	Khá	2.400.000	
170.	24Q201010426	Được K1.03	NGUYỄN MAI	THANH	7,2	Khá	Khá	2.400.000	
171.	23Q301110239	ĐD 11.02	TRẦN THỊ	TUYẾT	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	
172.	23Q301110423	ĐD 11.04	ĐOÀN THỊ HỒ	NGỌC	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
173.	23Q301110625	ĐD 11.06	NGUYỄN QUỲNH	MAI	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	
174.	23Q301110726	ĐD 11.07	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	
175.	23Q301110728	ĐD 11.07	TRẦN TÂN	PHONG	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	
176.	23Q301110832	ĐD 11.08	PHẠM THỊ	THOM	7,0	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
177.	23Q602100221	XN K10	TRỊNH VŨ HOÀI	THU	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
178.	23Q602100104	XN K10	CHU THỊ PHƯƠNG	CHI	7,3	Tốt	Khá	2.400.000	
179.	23Q602100208	XN K10	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	7,3	Khá	Khá	2.400.000	
180.	23Q602100201	XN K10	LÊ ĐỨC	ANH	7,2	Tốt	Khá	2.400.000	
181.	23Q602100210	XN K10	TRẦN PHƯƠNG	HIỀN	7,2	Khá	Khá	2.400.000	
182.	23Q602100203	XN K10	NGUYỄN MẠNH PHÚC	CHÂU	7,0	Khá	Khá	2.400.000	
183.	23Q602100110	XN K10	PHẠM THỊ	HẠNH	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	

STT	Mã sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Trung bình chung học tập học kỳ I lần 1	Xếp loại rèn luyện	Loại học bổng	Mức tiền/tháng (đồng)	Ghi chú
184.	23Q602100220	XN K10	LÊ MINH	QUÂN	7,0	Tốt	Khá	2.400.000	
185.	23Q604100112	PHCN K10.01	MAI ĐỨC	HIỆU	7,9	Xuất sắc	Khá	2.400.000	
186.	23Q604100105	PHCN K10.01	PHAN TỰ	BÁCH	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
187.	23Q604100202	PHCN K10.02	NGUYỄN KIỀU	ANH	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
188.	23Q601100113	HA K10	TRẦN THẾ	GIỚI	7,8	Tốt	Khá	2.400.000	
189.	23Q601100103	HA K10	PHẠM MINH	ANH	7,7	Khá	Khá	2.400.000	
190.	23Q601100133	HA K10	NGUYỄN QUANG	TIẾN	7,5	Tốt	Khá	2.400.000	
191.	23Q601100102	HA K10	NGUYỄN NHƯ HOÀI	ANH	7,1	Tốt	Khá	2.400.000	

HIỆU TRƯỞNG

Đào Xuân Cơ